

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **43** /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **20** tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn
tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình
mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tại Văn bản số 282/NHNN-HT14 ngày 05/5/2014; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1245/SNN-PTNT ngày 08/4/2014; sau khi thống nhất với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Văn phòng Điều phối CT NTM tỉnh và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 383/BC-STP ngày 28/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công thương, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành, thay thế Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 18/02/2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung, sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay

vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Các Phó Bí thư Tỉnh ủy Trần Nam Hồng,
Lê Thành Long;
- TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Ban KT NS HĐND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- TTr HĐND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.
- Gửi: VB giấy và điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Việc thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức
tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu
Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **23** /2014/QĐ-UBND
ngày **20** tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng.

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (gọi chung là khách hàng) vay vốn tại các Tổ chức tín dụng để đầu tư vào phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, môi trường tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định, ngoài các ưu đãi được hưởng theo quy định chung của Trung ương, còn được hưởng thêm ưu đãi hỗ trợ lãi suất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại quyết định này.

2. Các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật thực hiện hỗ trợ lãi suất, bao gồm: Các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng cổ phần thương mại, Phòng giao dịch Ngân hàng Hợp tác xã và các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (gọi chung là các tổ chức tín dụng).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.

1. Một khoản vay của khách hàng thuộc phạm vi thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay (cả của Trung ương và của tỉnh), thì khách hàng chỉ được lựa chọn để hưởng một chính sách hỗ trợ lãi suất.

2. Các khoản vay không được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định này, bao gồm:

- a. Các khoản vay không thuộc các đối tượng nêu trên.
- b. Các khoản vay đảo nợ, sử dụng vốn sai mục đích, phạm vi được hỗ trợ lãi suất.
- c. Các khoản vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất

1. Các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa chủ lực và một số sản phẩm cần khuyến khích được cấp có thẩm

quyền quyết định (bao gồm cả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh), đáp ứng một trong các yêu cầu:

a. Sản xuất nông nghiệp theo hướng Viet GAP (được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận): Sản xuất rau, củ, quả quy mô 0,2ha trở lên; sản xuất lạc quy mô 0,2ha trở lên; sản xuất lúa hàng hóa tập trung quy mô từ 5ha trở lên; sản xuất bưởi Phúc Trạch, cam chất lượng cao quy mô 0,2ha trở lên; sản xuất chè quy mô 1ha trở lên; trồng hoa quy mô 0,1ha trở lên.

b. Chăn nuôi lợn:

+ Chăn nuôi lợn thịt quy mô 300 con/lứa trở lên.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất lợn giống ông, bà quy mô 30 con trở lên; bố, mẹ quy mô 50 con trở lên.

+ Chăn nuôi tại hộ gia đình: Quy mô trong phạm vi từ 20 con trở lên, đảm bảo vệ sinh môi trường (có biện pháp xử lý sinh học, có công trình vệ sinh đảm bảo);

c. Nuôi hươu có quy mô 5 con trở lên.

d. Nuôi bò quy mô 5 con trở lên.

đ. Trồng rừng sản xuất quy mô từ 2ha trở lên.

e. Trồng cao su quy mô từ 0,5ha trở lên.

g. Sản xuất, chế biến nấm:

+ Sản xuất nấm có quy mô tối thiểu 5.000 bịch/một lứa hoặc quy mô lán trại có sản xuất nấm từ 200m² trở lên (gồm đầu tư xây dựng lán trại và chi phí sản xuất).

+ Sản xuất giống nấm (gồm đầu tư máy móc thiết bị và chi phí sản xuất giống) có công suất đóng bịch bình quân từ 1.000 bịch giống/ngày trở lên hoặc từ 200 kg giống bình quân/ngày trở lên.

+ Chế biến nấm (gồm đầu tư máy móc thiết bị và chi phí chế biến) công suất chế biến tối thiểu 50 tấn nấm tươi/năm.

h. Nuôi trồng thủy sản: Nuôi trồng thủy sản thâm canh có quy mô từ 0,5ha trở lên, nuôi trồng thủy sản bằng lồng (loại lồng 15m³ trở lên) quy mô 03 lồng trở lên hoặc tổng thể tích các lồng nuôi từ 90m³ trở lên; nuôi trồng thủy sản trong bể xi măng, ao lót bạt có diện tích 200m² trở lên.

i. Đối với doanh nghiệp, các hợp tác xã sử dụng 70% lao động địa phương tại địa bàn xã trở lên (nhưng tối thiểu 30 lao động đối với doanh nghiệp, 15 lao động đối với hợp tác xã), hoạt động sản xuất kinh doanh có sử dụng nguyên liệu từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, cung ứng dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

k. Sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi thuộc hàng hóa chủ lực của tỉnh (ngoài giống lợn) mang tính hàng hóa thì không không chế quy mô sản xuất.

l. Đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và nhân dân các xã thuộc đối tượng theo Quyết định 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao

được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo (Hà Tĩnh được 2 huyện là Vũ Quang và Hương Khê), Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015. Các xã, thôn, bản thuộc chương trình 135 theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và 2015: Chăn nuôi đáp ứng quy mô theo quy định, kết hợp xử lý môi trường bằng bể bioga và gắn kết với xây dựng công trình vệ sinh hộ gia đình và công trình nước sạch.

2. Các khách hàng hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh khác, bao gồm:

a. Cải hoán tàu khai thác có công suất dưới 30CV sang tàu có công suất 50CV trở trên; đóng mới tàu đánh bắt cá, tàu thu mua, dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản có công suất từ 90CV trở lên; mua tàu khai thác thủy sản từ ngoại tỉnh về phục vụ khai thác có công suất từ 90CV trở lên.

b. Đầu tư phát triển các loại nghề trên tàu cá có công suất từ 90CV/chiếc trở lên gồm: Nghề lưới vây, nghề lưới rê, nghề chụp mực, cá.

c. Mua trang thiết bị, vật tư ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất muối và các sản phẩm từ muối.

d. Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công suất từ 50 con gia súc hoặc 500 con gia cầm/ngày đêm trở lên đảm bảo vệ sinh môi trường, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy mô trên cũng được áp dụng cho nhiều hộ gia đình, cá nhân cùng hợp tác sản xuất kinh doanh để có được tổng quy mô này (là thành viên trong tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp).

3. Khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh thương mại trên địa bàn nông thôn, gồm:

a. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo chợ nông thôn, siêu thị, hệ thống kho bãi dự trữ, tập kết hàng hóa nông sản, thủy hải sản hoặc đầu tư xây dựng cửa hàng tiện ích, cửa hàng chuyên doanh trên địa bàn nông thôn.

b. Thu gom, dự trữ, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên địa bàn có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân từ 3 năm trở lên; các hoạt động sản xuất kinh doanh có liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có hợp đồng liên kết tiêu thụ từ 5 năm trở lên. Các hoạt động này không kể quy mô.

c. Đầu tư xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào cụm, điểm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn xã.

d. Thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy, hải sản; khách hàng vay vốn để thu mua nguyên, vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất.

e. Đầu tư mới hoặc nâng cấp dây chuyền thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất; thiết bị xử lý môi trường hoặc áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

g. Khách hàng là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các làng nghề truyền thống vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Các đối tượng khách hàng thuộc đối tượng theo chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các máy móc, thiết bị khác phục vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

5. Các đối tượng khác cần khuyến khích phát triển theo các Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp cụ thể do UBND tỉnh quyết định từng thời kỳ.

Điều 4. Loại cho vay và thời hạn cho vay được hỗ trợ lãi suất

1. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017.

2. Thời hạn cho vay được hỗ trợ lãi suất tối đa cho mỗi món vay theo thời hạn vay vốn (trong hạn) của khách hàng thể hiện trên hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng. Số tiền vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ thì không được tính hỗ trợ lãi suất cho khoảng thời gian quá hạn, gia hạn nợ.

Điều 5. Mức hỗ trợ lãi suất

1. Hỗ trợ 70% lãi suất vay các tổ chức tín dụng (trong hạn) cho các đối tượng sản xuất giống lợn (Điểm b, Khoản 1, Điều 3), giống nầm (Điểm g, Khoản 1, Điều 3), Điểm k, Khoản 1, Điều 3; Điểm b, Khoản 3, Điều 3; đóng mới tàu đánh bắt cá, tàu thu mua, dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản có công suất từ 90CV trở lên (Điểm a, Khoản 2, Điều 3) và Khoản 4, Điều 3.

2. Hỗ trợ 50% lãi suất vay các tổ chức tín dụng (trong hạn) cho các đối tượng còn lại của Điều 3.

3. Tổng mức hỗ trợ lãi suất tối đa cho một khách hàng vay vốn:

a. Tổng mức vay dưới 10 tỷ đồng: Số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1 tỷ đồng (một tỷ đồng).

b. Tổng mức vay từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng: số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1,5 tỷ đồng (một tỷ rưỡi đồng).

c. Tổng mức vay từ 20 tỷ đồng trở lên: Số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 2 tỷ đồng (hai tỷ đồng).

Điều 6. Nguyên tắc, phương thức và quy trình hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất: Các tổ chức tín dụng cho vay mới các nhu cầu vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để đầu tư trực tiếp vào sản xuất, chế biến

theo cơ chế tín dụng thông thường, thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định này. Không được từ chối hỗ trợ lãi suất nếu khoản vay đủ điều kiện vay và thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất. Nghiêm cấm việc cho vay đảo nợ và sử dụng vốn sai mục đích.

2. Phương thức và quy trình hỗ trợ lãi suất:

a. Khi vay vốn lần đầu, khách hàng vay gửi Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã cho tổ chức tín dụng cùng các hồ sơ vay vốn theo quy định về thủ tục vay vốn của tổ chức tín dụng cho vay.

b. Khi thu lãi tiền vay, các tổ chức tín dụng thu toàn bộ lãi vay từ khách hàng vay theo quy trình tín dụng và lập Giấy xác nhận số tiền lãi được hỗ trợ cho khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất.

c. Định kỳ trước ngày 05 của tháng sau, tổ chức tín dụng lập Danh sách chi tiết số lãi đã thu (trong đó có số lãi ngân sách được hỗ trợ) kèm theo Giấy xác nhận số tiền lãi phải hỗ trợ của từng khách hàng theo từng xã, gửi Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã.

d. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã thực hiện kiểm tra, xác định điều kiện, số tiền phải hỗ trợ của từng khách hàng theo Danh sách do các tổ chức tín dụng cung cấp. Chậm nhất 10 ngày sau khi nhận được Danh sách chi tiết số lãi đã thu do tổ chức tín dụng cung cấp, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phải tổng hợp, làm thủ tục thanh toán hết số kinh phí phải hỗ trợ lãi suất cho từng khách hàng vay vốn được hỗ trợ. Trường hợp qua kiểm tra, phát hiện việc sử dụng vốn vay hỗ trợ lãi suất sai mục đích, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã có quyền từ chối chi tiền hỗ trợ lãi suất và lập văn bản thông báo cho khách hàng và gửi tổ chức tín dụng một bản phục vụ việc theo dõi, báo cáo của tổ chức tín dụng.

đ. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất đã trả cho khách hàng, số lãi đã từ chối hỗ trợ qua kiểm tra do khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, số lãi đã hỗ trợ mà khách hàng phải hoàn trả lại (trường hợp kiểm tra phát hiện sau khi đã chi trả) báo cáo Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện để tổng hợp báo cáo Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Giành ít nhất 50% tổng kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm để hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo quyết định này (trừ kinh phí xây dựng các mô hình mẫu theo tỷ lệ quy định hiện hành); mức vốn phân bổ cho các xã được thể hiện trong Quyết định phân vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn hàng năm của UBND tỉnh.

2. Các địa phương chỉ được sử dụng nguồn vốn được giao này để hỗ trợ lãi suất tiền vay; không được sử dụng vào các mục đích khác. UBND các cấp phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng sử dụng kinh phí không đúng mục đích xảy ra trên địa bàn.

3. UBND cấp huyện được chủ động điều chuyển kinh phí hỗ trợ lãi vay giữa các xã trong huyện; trường hợp thiếu hoặc thừa chỉ tiêu từ 20% trở lên (toàn huyện) phải tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 10 hàng năm để điều chỉnh. Sau khi được UBND tỉnh điều chỉnh, đến cuối năm không sử dụng hết, được sử dụng tiếp sang năm sau. UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng thiếu hoặc thừa chỉ tiêu vượt mức quy định trên mà không báo cáo.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên có liên quan

1. Khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a. Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng (trong một hợp đồng vay vốn sản xuất kinh doanh tổng hợp thì chỉ hỗ trợ lãi suất cho các món vay thuộc đối tượng được hỗ trợ). Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã số tiền lãi đã hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b. Thực hiện các quy định của tổ chức tín dụng về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định. Thực hiện quy định của cơ quan quản lý nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới về các thủ tục có liên quan đến hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã kiểm tra trước khi chi trả tiền lãi hỗ trợ.

c. Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho tổ chức tín dụng sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của Pháp luật.

d. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền (trước khi chi trả lãi hỗ trợ và khi có yêu cầu).

đ. Yêu cầu tổ chức tín dụng nơi cho vay và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định tại Quyết định này. Báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng về việc từ chối sai pháp luật của các tổ chức tín dụng, của Ban quản lý XDNTM xã trong việc thực hiện cho vay và hỗ trợ lãi suất.

2. Các tổ chức tín dụng nơi cho vay hỗ trợ lãi suất:

a. Các tổ chức tín dụng áp dụng cơ chế cho vay và lãi suất cho vay đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Quy chế cho vay theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (hoặc các văn bản bổ sung, sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan. Có quyền từ chối cho vay các nhu cầu vay vốn không đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định.

b. Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất để ghi trong hợp đồng tín dụng các nội dung về hỗ trợ lãi suất theo quy định. Hướng dẫn khách hàng vay, bảo đảm việc cho vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng. Từ chối các yêu cầu cho vay hỗ trợ lãi suất không đúng quy định. Nghiêm cấm việc cho vay đào nợ. Nếu từ chối cho vay hỗ trợ lãi suất khoản vay đủ điều kiện và thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất thì Chi nhánh

Ngân hàng Nhà nước kiểm tra xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân đó và kịp thời báo cáo UBND tỉnh.

c. Thực hiện việc kiểm tra vốn vay theo quy chế tín dụng để bảo đảm khoản vay theo đúng quy định của pháp luật và phát huy được hiệu quả. Khi nhận được thông báo của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã về kết quả kiểm tra phát hiện việc sử dụng vốn sai mục đích của khách hàng thì tiến hành điều chỉnh các thông tin về khoản cho vay hỗ trợ lãi suất (giảm toàn bộ hoặc một phần dư nợ ứng với số tiền vi phạm ra khỏi danh mục) để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

d. Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, các tổ chức tín dụng lập Giấy xác nhận số lãi phải hỗ trợ có xác nhận của khách hàng và tổ chức tín dụng nơi cho vay (ký tên, đóng dấu) để cấp cho khách hàng vay và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm chứng từ nhận tiền hỗ trợ, phục vụ việc kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã và các cơ quan có liên quan. Định kỳ hàng tháng (chậm nhất vào ngày 05 tháng sau), lập Danh sách chi tiết số lãi đã thu (trong đó có số lãi ngân sách được hỗ trợ) kèm các Giấy xác nhận số lãi được hỗ trợ của từng khách hàng theo từng xã gửi Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã.

đ. Tổ chức việc theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, ngân hàng cấp trên và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

e. Lưu hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu về cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định.

3. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã:

a. Trên cơ sở hướng dẫn của các ngành để tổ chức thẩm định, xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay về các nội dung liên quan đến đối tượng được hỗ trợ lãi suất để làm cơ sở cho tổ chức tín dụng cho vay hỗ trợ lãi suất, xác nhận số lãi được hỗ trợ. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã xác nhận.

b. Thực hiện việc kiểm tra điều kiện được hỗ trợ về quy mô vốn vay, số vốn vay sử dụng đầu tư vào đối tượng được hỗ trợ (mục đích sử dụng vốn vay hỗ trợ lãi suất),... trước khi tiến hành chi trả tiền lãi hỗ trợ cho khách hàng.

c. Căn cứ kết quả kiểm tra sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất và hướng dẫn của cơ quan quản lý về tài chính để tập hợp, lập bộ chứng từ nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước; trực tiếp chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho từng khách hàng được hỗ trợ sau 7 ngày kể từ khi nhận được kinh phí từ Kho bạc Nhà nước. Chịu trách nhiệm về tính kịp thời và chính xác trong việc chi trả tiền hỗ trợ cho khách hàng theo đúng quy định.

d. Tập hợp kết quả hỗ trợ lãi suất báo cáo Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện; thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

để hỗ trợ lãi suất theo quy định của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các quy định tại Quyết định này.

đ. Căn cứ kết quả kiểm tra của Ban và của các tổ chức có chức năng kiểm tra khác về các vi phạm trong sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất của khách hàng để xử lý từ chối chi trả hỗ trợ hoặc thu hồi số lãi đã hỗ trợ để hoàn trả lại vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp không thu hồi được thì báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện xử lý hoặc khởi kiện để xử lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp:

a. Hướng dẫn các căn cứ, trình tự, hồ sơ, thủ tục để Ban quản lý nông thôn mới xã thẩm định, xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất theo các nội dung quy định tại Điều 3 (thuộc nhiệm vụ của ngành) và điểm a, khoản 3, Điều 8 làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng xem xét đối tượng hỗ trợ lãi suất.

b. Chủ trì tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn để hỗ trợ lãi suất. Hướng dẫn việc phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất cho các địa phương. Hướng dẫn chế độ báo cáo việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, kết quả hỗ trợ lãi suất để các địa phương thực hiện; tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

c. Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất (khi cần thiết).

5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh:

a. Chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chức tín dụng về quy trình, hồ sơ, thủ tục, các mẫu giấy tờ cần thiết trong cho vay, xác nhận số lãi hỗ trợ khi thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất và thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức tín dụng đơn giản, kịp thời, phù hợp quy định.

b. Phối hợp với Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

c. Tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất báo cáo định kỳ cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh và UBND tỉnh.

d. Tổ chức phổ biến rộng rãi chủ trương về cho vay hỗ trợ lãi suất đến tất cả các tổ chức tín dụng để thực hiện. Phối hợp với các cơ quan thông tin, tuyên truyền để cung cấp, phổ biến các cơ chế chính sách về tín dụng, lãi suất có liên quan đến việc thực hiện chủ trương này.

6. Sở Tài chính:

a. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc hướng dẫn phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất cho các địa phương.

b. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổ chức kiểm tra theo điểm d, khoản 2, Điều 6 và điểm b, khoản 3, Điều 8, nhằm đảm bảo việc chi trả tiền lãi hỗ trợ tuân thủ theo đúng các quy định của Luật Ngân sách.

c. Phối hợp với các ngành có liên quan, Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất (khi cần thiết).

7. Kho bạc Nhà nước các cấp:

a. Hướng dẫn các Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã về các thủ tục mở tài khoản, các hồ sơ chứng từ nhận tiền hỗ trợ từ Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách và quản lý nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b. Thực hiện việc kiểm soát chi hỗ trợ lãi suất đối với các địa phương theo đúng mục đích quy định. Có quyền từ chối các khoản chi không đúng mục đích hỗ trợ lãi suất.

c. Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã và các đơn vị có liên quan xử lý các khoản tiền thu hồi từ khách hàng nếu phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.

8. Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp:

a. Chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã và Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cùng cấp sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ lãi suất.

b. Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông thuộc phạm vi quản lý đẩy mạnh công tác truyền truyền chủ trương hỗ trợ lãi suất đến các cấp, các ngành và nhân dân; đưa các quy định về hỗ trợ lãi suất vào nội dung tập huấn, tuyên truyền đề các cấp, các ngành và nhân dân hiểu rõ các chủ trương, cơ chế hỗ trợ của tỉnh cho việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

c. Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện chủ trương hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu; phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý, các bất hợp lý trong hỗ trợ lãi suất, tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời.

d. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

9. Sở Công Thương:

a. Hướng dẫn các căn cứ, trình tự, hồ sơ, thủ tục để Ban quản lý nông thôn mới xã thẩm định, xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất theo các nội dung quy định tại Điều 3 (thuộc nhiệm vụ của ngành) và điểm a, khoản 3, Điều 8 làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng xem xét đối tượng hỗ trợ lãi suất.

b. Phối hợp với các ngành có liên quan, Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất (khi cần thiết).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở, ngành hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện quy định này. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các khoản vay phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực, thì các tổ chức, cá nhân, hộ vẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất theo các quy định hiện đang áp dụng cho đến hết kỳ hỗ trợ. Các món vay phát sinh sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời phản ánh về Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và Ngân hàng Nhà nước tỉnh tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời./



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự